

Số: *19* /BC-ĐGS

Bình Dương, ngày 24 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả giám sát về tình hình, kết quả hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện và Hội đồng nhân dân cấp xã

Thực hiện Quyết định số 04/QĐ-HĐND ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện và Hội đồng nhân dân cấp xã;

Trên cơ sở chuẩn bị nghiêm túc về kế hoạch giám sát, đề cương giám sát; xây dựng lịch giám sát và phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên tham gia, Đoàn giám sát đã tổ chức giám sát chuyên đề này bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, bảo đảm đúng phạm vi, nội dung, thời gian giám sát theo kế hoạch.

- Trưởng đoàn giám sát: ông Huỳnh Thành Long – Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh.

- Thành phần tham dự đoàn giám sát gồm: các đại biểu HĐND tỉnh; đại diện các cơ quan: UBMTTQVN tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Báo Bình Dương, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Dương, Website tỉnh.

- Phạm vi giám sát: Tình hình, kết quả hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã từ đầu nhiệm kỳ 2016 - 2021 đến hết tháng 02 năm 2017.

- Đối tượng giám sát:

(1) Hội đồng nhân dân 09 huyện, thị xã, thành phố;

(2) Hội đồng nhân dân cấp xã (mỗi huyện, thị xã, thành phố chọn 02 đơn vị cấp xã để giám sát).

- Phương thức giám sát:

(1) Giám sát trực tiếp:

Tổ chức giám sát trực tiếp tại các địa phương gồm: Thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Thuận An, thị xã Tân Uyên, huyện Bàu Bàng và huyện Dầu Tiếng. Tại mỗi địa phương, Đoàn giám sát đã tiến hành xem xét trực tiếp các hồ sơ, tài liệu về hoạt động của HĐND cấp huyện và 02 đơn vị cấp xã; nghe các đơn vị chịu sự giám sát báo cáo; làm việc với các đơn vị chịu sự giám sát trên cơ sở báo cáo và kết quả kiểm tra hồ sơ, tài liệu.

(2) Giám sát qua văn bản:

Ngoài các địa phương nêu trên, các địa phương còn lại Đoàn tổ chức giám sát

qua báo cáo bằng văn bản của các đơn vị chịu sự giám sát.

Trên cơ sở tiến hành giám sát theo đúng kế hoạch đề ra, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực HĐND tỉnh về kết quả giám sát đối với tình hình tổ chức, kết quả hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện và Hội đồng nhân dân cấp xã. Cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC

(Phụ lục kèm theo: Phụ lục I, II, III, IV)

II. NHỮNG HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC CỦA HĐND

1. Đối với cấp huyện

- Về tổ chức Ban HĐND cấp huyện: nhiệm kỳ này, tổ chức Ban HĐND cấp huyện có nhiều thuận lợi do được bố trí đại biểu hoạt động chuyên trách, cụ thể Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: *Trưởng Ban có thể hoạt động chuyên trách, Phó Trưởng Ban hoạt động chuyên trách*. Thực tế, ở cả 09 huyện, thị xã, thành phố đều bố trí mỗi Ban có 01 đại biểu hoạt động chuyên trách là Phó Trưởng Ban. Riêng thành phố Thủ Dầu Một cơ cấu đại biểu hoạt động chuyên trách là 02 Trưởng Ban, còn 02 Phó Trưởng Ban lại hoạt động kiêm nhiệm, như vậy là chưa đúng quy định của pháp luật.

- Văn bản về nhân sự của các Ban HĐND: theo quy định, HĐND có thẩm quyền xác nhận kết quả bầu Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban; quyết định số lượng và cơ cấu thành viên các Ban HĐND; còn Thường trực HĐND phê chuẩn danh sách Ủy viên của các Ban HĐND. Tuy nhiên, một vài nơi chưa thực hiện đúng quy định nêu trên. Cụ thể, HĐND ban hành Nghị quyết xác nhận kết quả bầu Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên của Ban HĐND.

- Việc xét thi đua khen thưởng đối với 02 Phó Trưởng Ban của 02 Ban HĐND còn gặp vướng mắc: không được xét chung với Thường trực HĐND do không thuộc cơ cấu Thường trực HĐND cấp huyện, có địa phương hiện nay đưa vào xét chung cùng với Văn phòng HĐND – UBND cấp huyện. Như vậy cũng không phù hợp do 02 Phó Trưởng Ban là đại biểu HĐND, còn Văn phòng là cơ quan tham mưu phục vụ chung cho HĐND và UBND.

- Về “bộ phận giúp việc” cho HĐND cấp huyện: chưa được pháp luật quy định cụ thể. Hiện nay, các địa phương thường bố trí 01 Phó Chánh Văn phòng HĐND – UBND cấp huyện và 01 chuyên viên, nhưng thực tế, chỉ có 01 chuyên viên là trực tiếp tham mưu giúp việc cho HĐND, còn Phó Chánh Văn phòng vẫn kiêm vừa phục vụ HĐND vừa phục vụ UBND. Do đó, bộ phận giúp việc cho HĐND cấp huyện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tham mưu, phục vụ.

2. Đối với cấp xã

- Theo quy định, chỉ có Phó Chủ tịch HĐND cấp xã hoạt động chuyên trách, các đại biểu còn lại đều hoạt động kiêm nhiệm; bộ phận tham mưu phục vụ cho

HĐND cấp xã cũng chỉ có 01 người (lại vừa phải tham mưu phục vụ cho UBND); từ nhiệm kỳ này, ở cấp xã có tổ chức 02 Ban HĐND nhưng tất cả các thành viên đều hoạt động kiêm nhiệm... Đây là những khó khăn về mặt tổ chức làm ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của HĐND cấp xã.

- Khác với những nhiệm kỳ trước, hiện nay, Luật Tổ chức chính quyền địa phương chỉ quy định về Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện; không quy định về Tổ đại biểu HĐND cấp xã. Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động của HĐND giữa hai kỳ họp, đa số các địa phương cấp xã hiện nay đều duy trì việc tổ chức Tổ đại biểu HĐND cấp xã (trừ phường Phú Lợi – Thủ Dầu Một thành lập với tên gọi Nhóm đại biểu HĐND); chỉ khác nhau về cách thức thành lập, cụ thể: một số địa phương Thường trực HĐND cấp xã tổ chức họp và phân công trực tiếp các đại biểu HĐND theo từng Tổ và phân công Tổ trưởng Tổ đại biểu; có địa phương thành lập bằng Quyết định của Thường trực HĐND cấp xã (như cách làm của tỉnh, của huyện); cá biệt có địa phương thành lập Tổ đại biểu bằng Nghị quyết của HĐND cấp xã (đây là cách làm không đúng quy định pháp luật).

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Trong việc thực hiện chức năng quyết định:

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, việc ban hành nghị quyết của HĐND cấp huyện và cấp xã cơ bản đảm bảo theo quy trình, thủ tục và đúng thẩm quyền quy định. Hoạt động thẩm tra của các Ban HĐND cấp huyện được chú trọng và có sự tiến bộ, chất lượng hơn so với nhiệm kỳ trước do có sự đầu tư nghiên cứu của đại biểu hoạt động chuyên trách và trách nhiệm của tập thể thành viên Ban HĐND. Đối với cấp xã, tuy còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của 02 Ban HĐND do mới được thành lập, nhưng ở một số nơi, hoạt động thẩm tra của 02 Ban HĐND khá tích cực, trong đó đã kịp thời cập nhật các quy định mới của pháp luật, đảm bảo thẩm tra đầy đủ các nội dung trình kỳ họp theo quy định, báo cáo thẩm tra bước đầu thể hiện sự đầu tư nghiên cứu, nêu được những hạn chế, tồn tại trong từng lĩnh vực và đề xuất các giải pháp khắc phục.

2. Trong việc thực hiện chức năng giám sát:

- *Hoạt động giám sát giữa hai kỳ họp:* hoạt động giám sát của HĐND nói chung đã được tăng cường, đặc biệt là đối với cấp xã do có thêm các nội dung giám sát của các Ban HĐND. Các nội dung giám sát được lựa chọn liên quan đến vấn đề an sinh xã hội, đời sống người dân, những vấn đề bức xúc, nổi cộm được dư luận và cử tri quan tâm như tình hình quản lý trật tự đô thị trên địa bàn; tình hình quản lý hệ thống đê bao, bờ bao ven sông, rạch và xây dựng các tuyến giao thông nội đồng; công tác tạm giam, tạm giữ; tình hình quản lý hoạt động của các tụ điểm văn hoá, thể thao; tình hình quản lý các cơ sở hành nghề y dược tư nhân và an toàn thực phẩm; công tác cải cách thủ tục hành chính; tình hình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị....

Một số địa phương, ngay từ đầu nhiệm kỳ, khi Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND vừa mới có hiệu lực thi hành, đã nhanh chóng triển khai thực

hiện quy trình giám sát theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể: ra quyết định thành lập Đoàn giám sát, ban hành kế hoạch, đề cương giám sát; sau khi giám sát, tổ chức họp Đoàn giám sát để thông qua báo cáo kết quả giám sát; ban hành thông báo về kết luận giám sát với những kiến nghị cụ thể, phù hợp với thực tiễn giám sát. Đặc biệt, có địa phương đã xác định rõ cơ chế yêu cầu đơn vị chịu sự giám sát báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau giám sát; trên cơ sở đó, tiến hành tái giám sát (thị trấn Uyên Hưng – thị xã Tân Uyên). Đây là cách làm rất tốt cần tiếp tục phát huy và nhân rộng điển hình để các địa phương khác nghiên cứu thực hiện.

- *Hoạt động giám sát tại kỳ họp*: cơ bản thực hiện đúng quy định pháp luật. Đa số các địa phương đều đảm bảo xem xét các báo cáo trình tại kỳ họp thường lệ theo đúng quy định tại Điều 59 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND (bao gồm: báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực, các Ban HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp; báo cáo của Ủy ban nhân dân về kinh tế - xã hội; về thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; về công tác phòng, chống tham nhũng; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri). Phiên họp chất vấn và trả lời chất vấn được truyền thanh trực tiếp để cử tri và nhân dân theo dõi. Một số đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã cũng thể hiện sự quan tâm đầu tư cho hoạt động chất vấn tại kỳ họp.

3. Trong việc thực hiện chức năng đại diện:

- Hoạt động tiếp xúc cử tri được đảm bảo theo quy định. Các ý kiến, kiến nghị của cử tri đều được xem xét, giải quyết và trả lời tại các buổi tiếp xúc. Đối với những vấn đề cử tri kiến nghị nhiều lần chưa được giải quyết, các địa phương lựa chọn bổ sung vào chương trình giám sát của Thường trực và các Ban của HĐND.

- Hoạt động tiếp công dân của Thường trực và đại biểu HĐND được thực hiện đúng quy định Luật Tiếp công dân và Nghị quyết 759/2014/UBTVQH13 ngày 15/5/2014. Theo đó, Thường trực HĐND tiếp công dân định kỳ tại Trụ sở tiếp công dân; đại biểu HĐND cấp huyện tiếp tại Trụ sở tiếp công dân và tại địa bàn ứng cử, đại biểu HĐND cấp xã tiếp tại Trụ sở của UBND cấp xã.

4. Về các mối quan hệ:

- Quan hệ giữa Thường trực HĐND với cấp ủy: đảm bảo tuân thủ sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của HĐND, thể hiện qua việc Thường trực HĐND báo cáo, xin ý kiến cấp ủy về định hướng, chủ trương hoạt động của HĐND; báo cáo, xin ý kiến về chương trình, nội dung các kỳ họp và những quyết định của HĐND về kinh tế, xã hội, ngân sách, quốc phòng - an ninh, những vấn đề liên quan đến đời sống của nhân dân địa phương. Triển khai kịp thời nghị quyết của Đảng bộ thành các nghị quyết của HĐND phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được yêu cầu phát triển, phát huy thế mạnh của địa phương, làm cơ sở cho sự điều hành quản lý hành chính của UBND cùng cấp.

- Quan hệ giữa Thường trực HĐND với UBND và UBNDTQVN cùng cấp: ngay từ đầu nhiệm kỳ, các địa phương đều đã xây dựng và ký kết Quy chế phối

hợp công tác giữa HĐND với UBND và UBMTTQVN nhiệm kỳ 2016-2021. Trong đó xác định rõ mối quan hệ phối hợp giữa Thường trực HĐND với UBMTTQVN cùng cấp trong việc chuẩn bị nội dung, chương trình các kỳ họp; tham gia hoạt động giám sát; chuẩn bị các điều kiện phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Đối với UBND cùng cấp, Thường trực HĐND có sự phối hợp chặt chẽ trong việc chuẩn bị nội dung và tổ chức kỳ họp. Bên cạnh đó, Thường trực HĐND và UBND cùng cấp cũng thường xuyên trao đổi, thống nhất giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND.

- Quan hệ giữa Thường trực HĐND huyện và Thường trực HĐND cấp tỉnh: duy trì mối quan hệ công tác thông qua các hoạt động như: tham dự các kỳ họp HĐND; hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động, tập huấn kỹ năng cho đại biểu HĐND do Thường trực HĐND tỉnh tổ chức; tham dự các Đoàn giám sát của Thường trực, các Ban HĐND tỉnh; phối hợp tổ chức tiếp xúc cử tri, tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân tại địa bàn ứng cử; trình Thường trực HĐND tỉnh phê chuẩn kết quả bầu cử các chức danh của Thường trực HĐND cấp huyện; gửi hồ sơ, tài liệu kỳ họp HĐND cấp huyện về Thường trực HĐND tỉnh theo quy định; thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh và gửi báo cáo kết quả hoạt động định kỳ về Thường trực HĐND tỉnh... Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, khi có những vướng mắc phát sinh, Thường trực HĐND cấp huyện kịp thời trao đổi, phản ánh đến Thường trực HĐND tỉnh hoặc đề nghị Thường trực và các Ban HĐND tỉnh hướng dẫn, hỗ trợ.

- Quan hệ giữa Thường trực HĐND cấp huyện với Thường trực HĐND cấp xã: thể hiện qua các hoạt động như tham dự các kỳ họp HĐND cấp xã; phối hợp tổ chức hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân; tổ chức các hội nghị trao đổi kinh nghiệm giữa Thường trực HĐND cấp huyện với cấp xã; tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức cho đại biểu HĐND...

- Quan hệ giữa Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã với các cơ quan khác có liên quan: Thường trực HĐND, các Ban và các đại biểu HĐND các địa phương thường xuyên phối hợp, trao đổi, làm việc với các cơ quan khác có liên quan trong công tác chuẩn bị kỳ họp; khảo sát, giám sát; tiếp xúc cử tri; giải quyết các đơn thư của công dân và ý kiến kiến nghị của cử tri...

5. Về các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của HĐND:

Cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của HĐND được các địa phương bố trí phù hợp, phân bổ kịp thời, đúng quy định, đảm bảo các điều kiện phục vụ cho hoạt động HĐND. Bên cạnh đó, Thường trực HĐND các địa phương cũng luôn quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đại biểu HĐND trong quá trình hoạt động, cụ thể như tổ chức tập huấn kỹ năng hoạt động, trao đổi kinh nghiệm, cung cấp thông tin thông qua các văn bản luật, báo chí, tài liệu... để đại biểu nghiên cứu; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với đại biểu HĐND theo đúng quy định.

II. NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ

1. Trong việc thực hiện chức năng quyết định:

1.1. Một số sai sót về thể thức văn bản, kỹ thuật soạn thảo:

- Hình thức Nghị quyết chưa đúng: nghị quyết không có nội dung quy phạm nhưng thể hiện dưới hình thức là nghị quyết quy phạm pháp luật (lẽ ra phải là nghị quyết cá biệt); nghị quyết cá biệt nhưng trong phần căn cứ ban hành có viện dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong phần số, ký hiệu văn bản có ghi năm ban hành văn bản (số:.../2016/NQ-HĐND).

- Lưu trữ văn bản: nghị quyết của HĐND và nghị quyết của Thường trực HĐND được đánh số văn bản liên tiếp với nhau và lưu trong cùng một sổ (lẽ ra phải cho số khác nhau và lưu riêng); chưa thực hiện đúng quy định về đánh số văn bản đối với nghị quyết của HĐND, cụ thể như: đánh số văn bản chung cho nghị quyết quy phạm pháp luật và nghị quyết cá biệt (lẽ ra phải cho số riêng), đánh số liên tiếp qua các năm (theo quy định, “*số của văn bản được đánh theo từng loại văn bản do cơ quan ban hành trong 01 năm, bắt đầu liên tiếp từ số 01 vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm*”).

- Hiệu lực thi hành nghị quyết:

+ Đối với nghị quyết cá biệt: có nơi chỉ ghi nghị quyết được thông qua ngày... tháng... năm... mà không ghi có hiệu lực thi hành kể từ ngày nào (ví dụ các nghị quyết về nhân sự lẽ ra phải ghi đầy đủ là: Nghị quyết này đã được HĐND... thông qua ngày... tháng... năm... và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua);

+ Đối với nghị quyết quy phạm pháp luật: nhiều địa phương vẫn ghi hiệu lực nghị quyết theo quy định cũ: “*Nghị quyết HĐND huyện có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày thông qua*”. Theo quy định hiện hành thì nghị quyết phải xác định một ngày cụ thể có hiệu lực nhưng không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày ký ban hành, ví dụ: “*Nghị quyết được thông qua ngày... tháng... năm... và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017*”. Có địa phương vẫn tính ngày có hiệu lực kể từ ngày thông qua (lẽ ra phải được tính từ ngày ký ban hành) dẫn đến: so với ngày thông qua thì có hiệu lực sau 07 ngày, nhưng so với ngày ký ban hành thì lại sớm hơn 07 ngày.

- Đối với nghị quyết có ban hành kèm theo một văn bản khác (ví dụ như nghị quyết ban hành Quy chế hoạt động của HĐND phường), thì văn bản được ban hành kèm theo cũng phải thể hiện các yếu tố: tên cơ quan ban hành văn bản; quốc hiệu, tiêu ngữ; chữ ký của người ký tên trên nghị quyết; con dấu. Một số nghị quyết của HĐND cấp xã không thể hiện những yếu tố này mà chỉ thể hiện phần nội dung được ban hành kèm theo.

- Một số nghị quyết thể hiện phần nội dung rất sơ sài, không thể hiện nội dung quyết nghị là gì, chỉ ghi chung chung: “*thống nhất với Tờ trình... của UBND*”. Có nghị quyết ghi là phụ lục kèm theo, nhưng phụ lục này không được đóng dấu của HĐND mà sử dụng phần phụ lục được đóng dấu của UBND.

- Có một vài văn bản trình tại kỳ họp HĐND được ký không đúng thẩm quyền, như Báo cáo về công tác phòng chống tội phạm là báo cáo của Công an xã (do Trưởng Công an xã ký), theo quy định đây là báo cáo của UBND. Cá biệt có địa phương, các văn bản của UBND trình tại kỳ họp HĐND đều được ký với thẩm quyền riêng (Chủ tịch UBND ký trực tiếp). Đây là sai sót nghiêm trọng do ký sai thẩm quyền, sẽ dẫn đến vô hiệu lực, bởi lẽ những nội dung trình tại kỳ họp HĐND phải được tập thể UBND biểu quyết thông qua trước khi gửi đến HĐND, do đó phải được ký theo thẩm quyền chung (TM.UBND), (trừ những văn bản về nhân sự ký theo thẩm quyền riêng là đúng). Như vậy, văn bản do Chủ tịch UBND ký chỉ thể hiện ý chí của cá nhân Chủ tịch, chưa phải là ý chí của tập thể UBND nên không thể được HĐND xem xét thông qua.

1.2. Công tác thẩm tra của các Ban HĐND:

- Một vài nơi chưa xác định được các nội dung trình kỳ họp không cần phải thẩm tra. Ví dụ như nghị quyết về Quy chế hoạt động của HĐND; về Chương trình giám sát; về công tác kiểm điểm điều hành của UBND; về nội quy kỳ họp; về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ...

- Nhiều địa phương, báo cáo thẩm tra của các Ban chỉ có chữ ký của Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban, không có đóng dấu.

- Theo quy định tại Điều 124 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác thẩm tra của các Ban HĐND bao gồm: tờ trình; dự thảo nghị quyết, báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do UBND trình; báo cáo tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp; tài liệu khác. Tuy nhiên, hồ sơ tài liệu gửi đến các Ban thẩm tra chưa đảm bảo quy định của pháp luật: chưa có bản tổng hợp ý kiến góp ý và bản tiếp thu ý, giải trình ý kiến của các ngành của cơ quan chủ trì soạn thảo.

- Thời gian gửi hồ sơ, tài liệu đến các Ban HĐND để tổ chức thẩm tra chưa đảm bảo thời gian theo quy định (thông thường là muộn hơn) gây ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thẩm tra.

- Về chất lượng thẩm tra: các báo cáo thẩm tra của các Ban (nhất là ở cấp xã) còn mang tính hình thức, chưa thể hiện rõ chính kiến, quan điểm của Ban hoặc còn ý kiến chung chung, sao chép lại nội dung trong báo cáo, tờ trình của UBND; nội dung thẩm tra chưa đi sâu vào phân tích nội dung, sự hợp lý, tính cần thiết của việc ban hành văn bản mà phần lớn tập trung có ý kiến về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản. Cá biệt có địa phương tại kỳ họp giữa năm chưa tiến hành được hoạt động thẩm tra của Ban HĐND đối với các nội dung trình kỳ họp.

- Một vài địa phương còn lẫn lộn giữa hoạt động thẩm tra của Ban HĐND và thẩm định của Phòng Tư pháp nên gọi là “báo cáo thẩm định” hoặc “báo cáo thuyết trình của Ban HĐND”.

- Đối với cấp xã, do Ban HĐND mới được thành lập nên hoạt động thẩm tra của Ban HĐND cấp xã chưa có kinh nghiệm; bên cạnh đó, Trưởng, Phó Ban đều hoạt động kiêm nhiệm, các thành viên Ban chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến cho các nội dung thẩm tra nên cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng của báo cáo thẩm tra.

1.3. Quy trình xây dựng, thông qua nghị quyết:

Theo quy định, khi UBND gửi Tờ trình, dự thảo nghị quyết, Thường trực HĐND sẽ phân công Ban thẩm tra; Ban tiến hành thẩm tra; sau đó tại kỳ họp, HĐND sẽ thảo luận và biểu quyết thông qua nghị quyết. Tuy nhiên, một vài địa phương thực hiện quy trình này chưa đúng, cụ thể như:

- Báo cáo thẩm tra của các Ban có trước Tờ trình của UBND; hoặc có trước báo cáo thẩm định của cơ quan tư pháp; hoặc báo cáo thẩm tra và Tờ trình được ký trong cùng 01 ngày.

- Các báo cáo của UBND trình tại kỳ họp đều là dự thảo, chưa ký tên, đóng dấu. Sau kỳ họp mới hoàn chỉnh, ký chính thức, do đó, báo cáo, tờ trình của UBND sẽ có sau báo cáo thẩm tra của các Ban.

1.4. Các nghị quyết liên quan đến tài chính - ngân sách, đầu tư công:

- Theo Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước thì HĐND các cấp có thẩm quyền ban hành Nghị quyết về dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách hàng năm. Tuy nhiên Nghị quyết của một số HĐND cấp huyện, cấp xã chỉ phê chuẩn dự toán ngân sách năm 2017; hoặc trên tiêu đề Nghị quyết ghi phân bổ dự toán ngân sách mà không phê chuẩn dự toán ngân sách và trong nội dung nghị quyết cũng chỉ thống nhất dự toán mà không phân bổ dự toán; hoặc tiêu đề Nghị quyết ghi đầy đủ là Nghị quyết về dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách năm 2017 nhưng trong nội dung chỉ có phê chuẩn dự toán hoặc phân bổ dự toán ngân sách.

- Một số HĐND huyện, xã đã ban hành Nghị quyết về dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách năm 2017 nhưng lại ban hành thêm Nghị quyết về dự toán chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND.

- Một số nơi ban hành Nghị quyết về ngân sách năm 2017 có viện dẫn căn cứ ban hành là Luật Ngân sách Nhà nước, Luật này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 mà nghị quyết ghi hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/12/2016. Như vậy là không đúng do nghị quyết có hiệu lực trước ngày Luật Ngân sách Nhà nước có hiệu lực. Trong trường hợp này, phải ghi hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Đối với nghị quyết về ủy quyền trong lĩnh vực đầu tư công: một vài địa phương ghi tiêu đề nghị quyết là “*Nghị quyết về việc ủy quyền cho Thường trực HĐND xem xét, cho ý kiến, quyết định chủ trương đầu tư công thuộc thẩm quyền của HĐND*”, như vậy là chưa chuẩn xác, bởi vì theo quy định của pháp luật, *HĐND chỉ được phép ủy quyền cho Thường trực HĐND thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND về đầu tư công*, nghĩa là chỉ được ủy quyền trong phạm vi một số nhiệm vụ mà pháp luật cho phép, ngoài phạm vi này thì vẫn thuộc thẩm quyền của HĐND.

1.5. Một số vấn đề khác:

- Biên bản kỳ họp HĐND chưa đảm bảo nội dung, chưa thể hiện hình thức biểu quyết tại phiên họp toàn thể và chưa thể hiện đầy đủ diễn biến của kỳ họp.

- Một số địa phương ở cấp xã ban hành Nghị quyết thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Theo quy định thì nội dung này không thuộc thẩm quyền của HĐND.

- Việc gửi nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp HĐND cấp huyện về Thường trực HĐND tỉnh chưa đảm bảo quy định tại Khoản 3 Điều 86 Luật tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể: trễ thời gian quy định; không có biên bản kỳ họp; gửi không đủ số lượng nghị quyết HĐND đã thông qua...

- Phiên họp Thường trực HĐND định kỳ hàng tháng có nơi chưa đảm bảo; hoặc có họp nhưng chưa thể hiện đầy đủ bằng biên bản. Một vài địa phương cấp xã tổ chức phiên họp Thường trực HĐND định kỳ với thành phần tham dự rất rộng (Thường trực, các Ban HĐND, UBND, UBMTTQVN, Tổ trưởng các Tổ đại biểu HĐND, đại diện bộ phận chuyên môn thuộc UBND); nội dung phiên họp nhằm giải quyết những vấn đề cụ thể thuộc phạm vi quản lý điều hành của UBND, như vậy là chưa đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND.

2. Trong việc thực hiện chức năng giám sát:

Nhìn chung, hoạt động giám sát của HĐND cấp huyện, cấp xã còn nhiều lúng túng khi thực hiện các quy định mới của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2.1. Chương trình giám sát

- Chương trình giám sát hằng năm của HĐND: đa số các địa phương ban hành Nghị quyết về chương trình giám sát hằng năm của HĐND không đúng quy định về thời gian ban hành. Theo quy định tại Điều 58 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, tại kỳ họp thường lệ giữa năm, HĐND phải ban hành nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND cho năm sau. Tuy nhiên, do chưa cập nhật kịp thời quy định mới này nên nhiều địa phương đã không ban hành Nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND năm 2017 tại kỳ họp giữa năm 2016 (trừ Thủ Dầu Một, Thuận An); phải đến kỳ họp thường lệ cuối năm 2016 mới ban hành nghị quyết này, như vậy là thực hiện chưa đúng quy định pháp luật, hơn nữa làm chậm thời gian nghiên cứu, chuẩn bị để triển khai chương trình giám sát của năm sau.

- Chương trình giám sát hằng năm của Thường trực và các Ban HĐND: theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND: “*chương trình giám sát hằng năm được Thường trực HĐND xem xét, quyết định chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của HĐND*” (Điều 67); “*căn cứ chương trình giám sát của HĐND, của Thường trực HĐND, chương trình giám sát hằng năm của Ban của HĐND được Ban của HĐND xem xét, quyết định vào cuối năm trước*” (khoản 2 Điều 77). Tuy nhiên, nhiều địa phương không thực hiện đúng quy định này, cụ thể: kỳ họp cuối năm 2016 bế mạc ngày 22/12/2016, chương trình giám sát của Thường trực ban hành ngày 12/01/2017; chương trình giám sát năm 2017 của các Ban HĐND được ban hành trong tháng 1/2017 hoặc tháng 02/2017; hoặc chương trình của các Ban ban hành trong tháng 12/2016, còn chương trình của Thường trực ban hành vào tháng 01/2017 – như vậy là đảm bảo quy định về thời gian nhưng lại vướng ở chỗ chương trình của Ban có trước nên không thể căn cứ vào chương trình của Thường trực HĐND.

- Theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, HĐND chỉ thông qua nghị quyết về chương trình giám sát hàng năm của HĐND, còn chương trình giám sát của Thường trực, của các Ban HĐND là do các chủ thể này xem xét quyết định, không thông qua tại kỳ họp. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn làm theo cách cũ là tại kỳ họp cuối năm trình HĐND thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Thường trực và các Ban HĐND.

2.2. Giám sát tại kỳ họp

- Giám sát thông qua việc xem xét các báo cáo: một số nơi chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 59 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, cụ thể, kỳ họp thường lệ HĐND chưa xem xét các báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri; hoặc có trình HĐND xem xét các báo cáo này nhưng lại thiếu báo cáo thẩm tra của Ban HĐND.

- Giám sát thông qua xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn:

+ Nhiều địa phương chưa phân biệt rõ giữa phiên chất vấn và phiên thảo luận, nhiều nội dung chất vấn mang ý nghĩa giống như thảo luận; một số nội dung chất vấn còn mang tính chất hỏi để biết; nội dung trả lời chất vấn còn chung chung chưa cụ thể, chưa giải quyết được vấn đề đặt ra nhưng đại biểu không tiếp tục chất vấn bổ sung.

+ Tất cả các địa phương đều chưa thực hiện quy định “*Thường trực HĐND đề nghị HĐND quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn*” (theo quy định tại Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc Hội và HĐND).

+ Việc xác định đối tượng trả lời chất vấn chưa đúng, cụ thể: phiếu chất vấn của đại biểu HĐND ghi đối tượng đề nghị trả lời chất vấn là UBND (theo quy định người trả lời chất vấn là cá nhân, không phải là cơ quan, tổ chức); một số nơi chọn đối tượng trả lời chất vấn không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 96 Luật tổ chức chính quyền địa phương (ví dụ như: chọn người trả lời chất vấn là Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng, Trung tâm phát triển Quỹ đất, Xi nghiệp công trình công cộng, Bảo hiểm Xã hội, Chi cục thuế...)

+ Các nội dung chất vấn của đại biểu chưa thể hiện qua Phiếu chất vấn; chưa thể hiện đầy đủ trong Biên bản kỳ họp.

+ Kỹ năng chất vấn của một số đại biểu HĐND còn hạn chế hoặc vẫn còn tâm lý nể nang, e ngại chất vấn.

+ Một số nơi, chất lượng trả lời chất vấn, việc thực hiện lời hứa sau chất vấn chưa đạt hiệu quả cao; nội dung trả lời chất vấn của một vài cá nhân chưa đi vào trọng tâm của vấn đề, chưa đưa ra giải pháp khắc phục cụ thể. Chưa thực hiện được quy định tại Khoản 7 Điều 60 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND “*chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân*”.

2.3. Giám sát giữa hai kỳ họp

- Giám sát chuyên đề:

+ Một số nơi chưa hiểu đúng về quy định “giám sát chuyên đề của HĐND”, chưa xem đây là hoạt động giám sát do chính chủ thể là HĐND thực hiện (còn thực hiện theo quy định trước đây, theo đó chương trình giám sát của HĐND bao gồm các nội dung giám sát của Thường trực và các nội dung giám sát của các Ban HĐND). Dẫn đến việc xác định nhiều nội dung giám sát chuyên đề của HĐND nhưng HĐND lại không thể triển khai thực hiện hết các chuyên đề này, cũng không thể giao lại cho Thường trực hay các Ban HĐND thực hiện.

+ Có địa phương hiểu đúng về “giám sát chuyên đề của HĐND” nhưng không kịp thời ban hành nghị quyết của HĐND về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của HĐND, sau đó thành lập Đoàn giám sát của HĐND bằng nghị quyết hoặc quyết định của Thường trực HĐND là không đúng quy định pháp luật.

+ Việc thực hiện quy trình, thủ tục giám sát chưa đảm bảo đúng quy định của Luật hoạt động giám sát, chẳng hạn như ban hành quyết định thành lập đoàn giám sát, kế hoạch giám sát, đề cương giám sát chưa đảm bảo thời gian theo luật định, thời gian quá ngắn không đủ thời gian cho đơn vị chịu sự giám sát xây dựng báo cáo phục vụ đoàn giám sát.

+ Hoạt động giám sát chuyên đề còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với các Ban HĐND cấp xã do thành viên đoàn giám sát đa số là đại biểu hoạt động kiêm nhiệm nên thời gian nghiên cứu tài liệu; năng lực, trình độ chuyên môn để phục vụ giám sát còn hạn chế; một số đơn vị chịu sự giám sát cung cấp báo cáo phục vụ giám sát chưa kịp thời...

- Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân: một vài nơi chưa thực hiện công tác này.

- Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri: một vài nơi, Thường trực HĐND cấp huyện có phân công Ban Pháp chế phối hợp Ban KT-XH giám sát về kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong năm 2016 trình tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2016, tuy nhiên chưa thực hiện được quy định tại Khoản 4 Điều 74 Luật hoạt động giám sát của QH và HĐND: “*Thường trực Hội đồng nhân dân chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân cùng cấp*”.

- Giám sát thông qua xem xét việc trả lời chất vấn trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND; tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND: các hình thức giám sát này chưa được các địa phương tổ chức thực hiện.

3. Trong việc thực hiện chức năng đại diện của Hội đồng nhân dân

- Hình thức tiếp xúc cử tri chưa phong phú, việc tổ chức tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, theo đối tượng chưa được thực hiện; số lượng cử tri tham dự các buổi tiếp xúc cử tri còn thấp; một số ít cử tri do bức xúc về quyền lợi cá nhân nên trong

phát biểu còn có thái độ gay gắt; một số đại biểu HĐND chưa tích cực nắm bắt, đôn đốc, theo dõi việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

- Đối với cấp xã, việc bố trí lịch tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân của UBND xã chưa hợp lý, có nơi phân công quá dày, đại biểu tiếp công dân hàng tuần nhưng nhìn chung không có công dân đến tham dự, dẫn đến sự lãng phí thời gian và nhân lực cho công tác này.

C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN GIÁM SÁT

Căn cứ trên kết quả giám sát, Đoàn giám sát kết luận những vấn đề yêu cầu các cơ quan chịu sự giám sát chấn chỉnh, khắc phục; đồng thời kiến nghị Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến kết luận, chỉ đạo thực hiện những nội dung sau đây:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHẤM CHỈNH KHẮC PHỤC

1. Về tổ chức HĐND

- Thường trực HĐND thành phố Thủ Dầu Một cần xem lại việc sắp xếp, bố trí đại biểu hoạt động chuyên trách của 02 Ban HĐND, phải đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Trưởng Ban có thể hoạt động chuyên trách, Phó Trưởng Ban hoạt động chuyên trách.

- Văn phòng HĐND – UBND cấp huyện phải sắp xếp bố trí bộ phận giúp việc hợp lý nhằm đảm bảo tham mưu, phục vụ có hiệu quả cho hoạt động của HĐND, Thường trực và các Ban HĐND cấp huyện.

- Về Tổ đại biểu HĐND cấp xã: luật không quy định về việc thành lập Tổ đại biểu HĐND cấp xã, nhưng để tạo điều kiện thuận lợi, tạo lập mối liên hệ giữa đại biểu với Thường trực HĐND, giữa đại biểu với UBNDTTQ, các tổ chức, đoàn thể trong thời gian HĐND không họp, Thường trực HĐND cấp xã có thể linh hoạt tổ chức các đại biểu HĐND ở một hoặc một vài đơn vị bầu cử theo hình thức do Thường trực HĐND lựa chọn (nên tránh gọi là Tổ đại biểu HĐND cấp xã); đồng thời không thể được thành lập một cách chính thức bằng Nghị quyết của HĐND cấp xã. Vì vậy, địa phương nào có ban hành Nghị quyết quy định về thành lập Tổ đại biểu HĐND cấp xã thì phải ban hành Nghị quyết bãi bỏ nghị quyết này.

2. Về hoạt động của HĐND

2.1. Trong việc thực hiện chức năng quyết định:

a) Đối với những sai sót về thể thức, kỹ thuật soạn thảo văn bản:

+ Cần nghiên cứu thực hiện cho đúng những quy định về thể thức, kỹ thuật soạn thảo văn bản, cụ thể là Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

+ Hiệu lực thi hành của nghị quyết phải được xác định bằng một ngày cụ thể (không ghi chung chung có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký ban hành, mà phải ghi: có hiệu lực kể từ ngày... tháng... năm...); đồng phải phải chú ý đến ngày có

hiệu lực của các văn bản được sử dụng làm căn cứ ban hành nghị quyết để đảm bảo tính thống nhất về hiệu lực của nghị quyết với các văn bản này.

+ Nội dung nghị quyết phải được thể hiện rõ ràng, cụ thể, không ghi chung chung: “*thống nhất với Tờ trình... của UBND*”. Nếu nội dung nghị quyết quá dài thì có thể đưa ra phần phụ lục (phụ lục này phải đóng dấu HĐND); nếu nội dung không dài thì nên được thể hiện ngay trong nghị quyết.

+ Cần chấn chỉnh ngay các trường hợp văn bản trình tại kỳ họp HĐND được ký không đúng thẩm quyền. Chẳng hạn như các văn bản của UBND trình tại kỳ họp HĐND (trừ văn bản về nhân sự) phải được Chủ tịch UBND ký theo hình thức “TM.UBND”; các báo cáo trình tại kỳ họp HĐND thường lệ theo quy định tại Điều 59 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND phải là báo cáo của UBND, không phải là báo cáo của cơ quan chuyên môn.

b) Đối với công tác thẩm tra của các Ban HĐND:

+ Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND (và các văn bản khác do Ban HĐND phát hành nói chung) phải được đóng dấu để xác định giá trị pháp lý của văn bản. Văn bản của Ban HĐND được sử dụng con dấu của HĐND (xem mẫu 1.7. Văn bản có tên loại của các Ban HĐND – Phụ lục V, ban hành kèm theo Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính).

+ Thời gian thẩm tra, hồ sơ thẩm tra phải đảm bảo thực hiện đúng quy định.

+ Chất lượng thẩm tra: các báo cáo thẩm tra của các Ban cần thể hiện rõ chính kiến, quan điểm của Ban (tránh tình trạng chỉ sao chép lại nội dung trong báo cáo, tờ trình của UBND); nội dung thẩm tra cần đi sâu phân tích nội dung, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, làm rõ sự hợp lý, tính cần thiết và khả thi của việc ban hành văn bản.

c) Về quy trình xây dựng, thông qua nghị quyết:

Cần tuân thủ đúng trình tự pháp luật đã quy định (Phụ lục kèm theo: phụ lục V); chấn chỉnh ngay tình trạng báo cáo thẩm tra của các Ban có trước Tờ trình, báo cáo của UBND.

d) Đối với các nghị quyết liên quan đến tài chính – ngân sách, đầu tư công:

- Khi ban hành Nghị quyết về dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách phải đầy đủ cả hai nội dung và kèm theo các phụ lục phân bổ cho từng lĩnh vực, ngành, đơn vị (kể cả từng xã đối với HĐND cấp huyện).

- Hàng năm, không ban hành Nghị quyết về dự toán chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND huyện, HĐND xã. Bồi lễ kinh phí hoạt động của HĐND và đại biểu HĐND đã được tổng hợp chung trong dự toán của Văn phòng HĐND – UBND; được Văn phòng HĐND – UBND huyện, xã lập, chấp hành và quyết toán theo đúng chế độ quy định. Bên cạnh đó, theo Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, HĐND các cấp ban hành Nghị quyết dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ chi tiết cho từng

lĩnh vực, ngành, đơn vị, không quy định ban hành nghị quyết về dự toán riêng cho từng đơn vị, lĩnh vực,...

- Đối với Nghị quyết ủy quyền về đầu tư công, đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh cho chính xác theo hướng đây là *Nghị quyết về việc ủy quyền cho Thường trực HĐND thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND về đầu tư công.*

d) Một số vấn đề khác:

- Về nội dung chương trình kỳ họp: cần có Tờ trình của Thường trực HĐND báo cáo xin ý kiến của cấp ủy về thời gian, nội dung chương trình kỳ họp, nhóm vấn đề chất vấn và nội dung dự kiến chất vấn.

- Biên bản kỳ họp HĐND phải ghi đầy đủ, chính xác, thể hiện rõ diễn biến của kỳ họp; phải có văn bản thể hiện việc HĐND xem xét quyết định hình thức biểu quyết tại kỳ họp (tùy từng địa phương, có thể bổ sung nội dung này vào Quy chế hoạt động của HĐND nhiệm kỳ 2016 – 2021, Nội quy kỳ họp HĐND; hoặc có thể trình HĐND quyết định tại từng kỳ họp, nếu chọn hình thức này thì phải có văn bản cụ thể trình HĐND hoặc ghi rõ trong Biên bản kỳ họp).

- Đối với các địa phương cấp xã, không tiếp tục ban hành Nghị quyết thực hiện quy chế dân chủ cơ sở vì đây không phải là nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND.

- Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã phải gửi nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp HĐND đến Thường trực HĐND tỉnh/huyện đúng về thành phần tài liệu và thời gian gửi theo quy định tại Khoản 3 Điều 86 Luật tổ chức chính quyền địa phương.

- Phiên họp Thường trực HĐND định kỳ hàng tháng phải được thể hiện bằng biên bản. Nội dung, thành phần tham dự phiên họp này cần thực hiện đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2.2. Trong việc thực hiện chức năng giám sát:

a) Về chương trình giám sát:

- Chương trình giám sát hằng năm của HĐND:

+ Cần thực hiện đúng quy định “tại kỳ họp thường lệ giữa năm, HĐND ban hành nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND cho năm sau”; đồng thời, phải báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của năm trước. Cụ thể: kỳ họp giữa năm 2017 phải ban hành Nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND năm 2018; báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của năm 2016.

+ Tại kỳ họp giữa năm, nếu trong nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND có đề ra nội dung giám sát chuyên đề thì ngay tại kỳ họp này Thường trực HĐND phải dự thảo nội dung đề trình HĐND xem xét thông qua Nghị quyết về thành lập đoàn giám sát chuyên đề của HĐND (mỗi chuyên đề là 01 nghị quyết về Đoàn giám sát). Sau khi kết thúc giám sát chuyên đề, tại kỳ họp gần nhất phải báo cáo kết quả giám sát để HĐND ra Nghị quyết về kết quả giám sát.

- Chương trình giám sát hằng năm của Thường trực và các Ban HĐND:

+ Thường trực HĐND cần chuẩn bị và ban hành Chương trình giám sát của mình vào cuối tháng 12 hằng năm, sau kỳ họp cuối năm. Như vậy mới đảm bảo cho chương trình giám sát của 02 Ban HĐND ban hành đúng thời gian quy định (cuối tháng 12), trong đó có căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND và Thường trực HĐND.

+ Chương trình giám sát của Thường trực HĐND do Thường trực HĐND quyết định; chương trình của các Ban HĐND do các Ban HĐND quyết định, không trình HĐND biểu quyết tại kỳ họp.

b) Giám sát tại kỳ họp:

- Hoạt động chất vấn: Thường trực HĐND cần gửi đầy đủ Phiếu chất vấn cho đại biểu; đồng thời hướng dẫn đại biểu cách ghi nội dung vào phiếu chất vấn: nội dung chất vấn về vấn đề gì – phải hết sức cụ thể, không chung chung, không lẫn lộn với nội dung thảo luận; chất vấn ai – đối tượng chất vấn phải là những cá nhân (theo quy định tại Khoản 1 Điều 96 Luật tổ chức chính quyền địa phương, Điều 1 Khoản 1 Điều 5 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND); chất vấn trực tiếp hay trả lời bằng văn bản. Trường hợp không phải là cá nhân theo quy định trên thì nếu cần thiết, Chủ tọa kỳ họp có thể mời Thủ trưởng cơ quan khác tham dự phiên họp và yêu cầu phát biểu, giải trình những vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

- Phải có văn bản thể hiện việc “Thường trực HĐND đề nghị HĐND quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn” theo quy định tại Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc Hội và HĐND (có thể đưa vào trong chương trình kỳ họp và yêu cầu đại biểu biểu quyết thông qua).

- Cần triển khai thực hiện quy định tại Khoản 7 Điều 60 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND “*chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân*”; đồng thời các Ban HĐND theo lĩnh vực được phân công có trách nhiệm thẩm tra kết quả thực hiện nội dung đã trả lời chất vấn.

c) Giám sát giữa hai kỳ họp

- Giám sát chuyên đề: cần đảm bảo thực hiện đúng quy trình, thủ tục giám sát theo quy định; việc ban hành quyết định thành lập đoàn giám sát, kế hoạch giám sát, đề cương giám sát phải đảm bảo về mặt thời gian cũng như chất lượng nội dung của kế hoạch, đề cương giám sát.

- Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri: trên cơ sở giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân phải xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

- Cần nghiên cứu để triển khai thực hiện hoạt động giám sát thông qua xem xét văn bản của UBND cùng cấp, nghị quyết của HĐND cấp dưới; đặc biệt là những

hình thức giám sát mới như xem xét việc trả lời chất vấn trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND; tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND.

2.3. Trong việc thực hiện chức năng đại diện của Hội đồng nhân dân

- Hoạt động tiếp xúc cử tri: nên nghiên cứu tổ chức hình thức tiếp xúc theo chuyên đề và tổ chức tiếp xúc theo đối tượng nhằm nắm bắt sâu rộng tâm tư tình cảm của đông đảo cử tri, góp phần giải quyết được những vụ việc tồn đọng, hạn chế những vụ việc phản ánh, kiến nghị kéo dài, chậm được giải quyết...

- Thường trực HĐND nên rà soát lại quy chế phối hợp giữa HĐND với UBND và UBMTTQVN cùng cấp để phối hợp sửa đổi, bổ sung theo đúng luật, nhiệm vụ của từng tổ chức và triển khai thực hiện đúng quy chế.

- Hoạt động tiếp công dân: tùy theo tình hình thực tế ở địa phương, nên sắp xếp, bố trí lịch tiếp công dân của đại biểu HĐND cho phù hợp, tránh việc tổ chức hình thức, đại biểu tiếp công dân theo lịch quá dày trong khi công dân đến tham dự quá ít gây lãng phí.

II. KIẾN NGHỊ THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH

Qua giám sát, Đoàn giám sát kiến nghị Thường trực HĐND tỉnh những vấn đề sau đây:

1. Về xét thi đua khen thưởng:

Kiến nghị Thường trực HĐND tỉnh nghiên cứu xây dựng và ban hành quy định về xét thi đua khen thưởng đối với các đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách và đại biểu không hưởng lương từ ngân sách để có cơ sở áp dụng thống nhất đối với HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương nhằm đảm bảo quyền lợi về thi đua khen thưởng đối với các đối tượng này.

2. Kiến nghị Thường trực HĐND tỉnh kết luận để trả lời những nội dung đề xuất, kiến nghị của các cơ quan chịu sự giám sát, cụ thể:

(1) Hướng dẫn về hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND cấp huyện

Hiện nay, việc tổ chức giám sát của Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện còn lúng túng vì chưa có hướng dẫn cụ thể. Vì vậy, vừa qua Thường trực HĐND tỉnh đã tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động HĐND với Thường trực HĐND các huyện, thị, thành phố, trong đó có trao đổi, thảo luận về chuyên đề này. Thường trực HĐND tỉnh cũng đã ban hành Thông báo số 21/TB-HĐND ngày 31/3/2017 về kết luận Hội nghị. Đề nghị HĐND các địa phương nghiên cứu, thực hiện.

(2) Tổ chức Hội nghị trao đổi về việc tổ chức chất vấn giữa hai kỳ họp và tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND

Hiện tại, Thường trực HĐND tỉnh chưa thực hiện quy định trên. Thường trực HĐND tỉnh ghi nhận, sẽ nghiên cứu tổ chức thực hiện và trao đổi kinh nghiệm với Thường trực HĐND cấp huyện.

(3) Tổ chức tập huấn kỹ năng cho thành viên Ban của HĐND cấp xã

Đề nghị Thường trực HĐND huyện phối hợp Thường trực HĐND cấp xã lựa chọn nội dung, bố trí thời gian tổ chức lớp tập huấn cho đại biểu HĐND; nếu cần

báo cáo viên cấp tỉnh thì có văn bản đề nghị Thường trực HĐND tỉnh hỗ trợ hoặc có thể mời trực tiếp báo cáo viên cấp tỉnh.

(4) Hướng dẫn phương thức chi hỗ trợ đại biểu HĐND chăm sóc sức khỏe định kỳ

Theo Nghị quyết 60/2016/NQ-HĐND9 thì nội dung này là chi hỗ trợ đại biểu HĐND chăm sóc sức khỏe định kỳ. Do đó, Thường trực HĐND tỉnh đã trao đổi thống nhất với Sở Tài chính hướng dẫn Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã chi theo hướng lập danh sách những đại biểu thuộc đối tượng được hỗ trợ và chi tiền mặt.

(5) Hướng dẫn chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Bí thư kiêm Chủ tịch HĐND cấp huyện

Hiện nay việc thực hiện phụ cấp kiêm nhiệm được căn cứ vào quy định tại Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác. Đồng thời, Sở Tài chính đã có Công văn số 1396/STC-HCSN ngày 14/7/2015 gửi HĐND tỉnh và các Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố về việc thực hiện chế độ chính sách đối với đại biểu HĐND các cấp. Trong các văn bản trên đã quy định rõ đối tượng, phạm vi áp dụng, điều kiện, nguyên tắc hưởng, mức phụ cấp được hưởng,... đề nghị các đơn vị nghiên cứu, triển khai.

(6) Đề nghị có chính sách hỗ trợ cho Trưởng, Phó các Ban của HĐND cấp xã hoạt động kiêm nhiệm

Đề nghị các địa phương rà soát từng trường hợp cụ thể, thực hiện giải quyết chính sách hỗ trợ kiêm nhiệm theo quy định tại Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác và Quyết định số 73/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định số lượng, chức danh, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và cán bộ áp, khu phố và kinh phí hoạt động áp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Dương (Khoản 4, Điều 8).

Trường hợp cần ban hành chính sách để áp dụng cho các đối tượng ngoài phạm vi áp dụng các văn bản nêu trên, đề nghị các địa phương báo cáo cụ thể cho Thường trực HĐND tỉnh. Trên cơ sở đó, Thường trực HĐND tỉnh sẽ nghiên cứu việc trình HĐND tỉnh xây dựng chính sách hỗ trợ.

3. Kiến nghị Thường trực HĐND tỉnh kết luận để hướng dẫn giải quyết vướng mắc đối với một số nghị quyết cụ thể:

3.1. Đối với những nghị quyết về dự toán, quyết toán ngân sách; kế hoạch đầu tư công; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội:

Đề nghị HĐND các địa phương ban hành các nghị quyết này theo hình thức nghị quyết cá biệt.

Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã cần lưu ý quy định tại Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 “*HĐND cấp huyện, cấp xã ban hành nghị quyết để quy định những vấn đề được luật giao*” để xác định cho đúng hình thức nghị quyết do cấp mình ban hành (nghị quyết quy phạm pháp luật hay nghị quyết cá biệt).

3.2. Đối với nghị quyết của HĐND cấp huyện về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Hội đồng nhân dân cấp huyện có thẩm quyền: “*Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hàng năm của huyện, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt*”.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện.*”

Như vậy, mặc dù về thẩm quyền, HĐND có quyền thông qua kế hoạch sử dụng đất của huyện, nhưng theo quy định của Luật Đất đai thì kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện không thuộc trường hợp phải thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; trong Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết cũng chỉ quy định về trình tự, thủ tục để Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; không có quy định trình tự thủ tục trình HĐND cấp huyện thông qua kế hoạch sử dụng đất.

Do đó, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị chưa thực hiện quy định về thẩm quyền HĐND cấp huyện thông qua kế hoạch sử dụng đất do chưa có quy định về trình tự, thủ tục thông qua.

3.3. Đối với nghị quyết của HĐND cấp xã về phát triển kinh tế - xã hội:

Theo quy định tại Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, trong nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp xã không có quy định về việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hàng năm.

Tuy nhiên, Thường trực HĐND tỉnh nhận thấy rằng ở cấp xã, HĐND cần thiết phải xem xét nội dung này. Bởi lẽ, việc xem xét kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của HĐND; hơn nữa, tại Điểm c Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân có quy định: “*Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận báo cáo của Ủy ban nhân dân về kinh tế - xã hội...*”, như vậy, HĐND, trong đó có cấp xã, có thẩm quyền xem xét, thảo luận báo cáo của Ủy ban nhân dân về kinh tế - xã hội, kết quả của việc xem xét, thảo luận này sẽ được thể hiện bằng hình thức nghị quyết của HĐND.

Do vậy, đề nghị HĐND cấp xã tiếp tục thực hiện việc xem xét, thông qua nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

Trên đây là báo cáo của Đoàn giám sát về kết quả giám sát đối với tình hình tổ chức, kết quả hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện và Hội đồng nhân dân cấp xã, kính trình Thường trực HĐND tỉnh./.

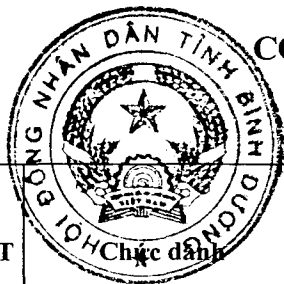
Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Các Ủy viên của Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Đại diện cơ quan tham gia Đoàn giám sát;
- Cơ quan chịu sự giám sát;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp, Phòng HCTCQT;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỜNG ĐOÀN



PHÓ CHỦ TỊCH HĐND
Huỳnh Thành Long



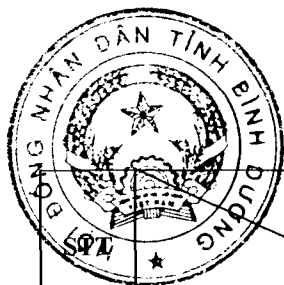
Phụ lục I
CƠ CẤU THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 19/BC-ĐGS ngày 24/4/2017 của Đoàn giám sát)

STT	Huyện/Thị xã/Thành phố	Bí thư	Phó Bí thư	Ủy viên Ban Thường vụ	Cấp ủy viên	Chuyên trách	Trình độ lý luận chính trị			Trình độ chuyên môn			Trình độ quản lý nhà nước		
							Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Trung Cấp	Cao đẳng, Đại học	Sau đại học	Chuyên viên	Chuyên viên chính	Chuyên viên cao cấp
I	TÂN UYÊN	1		03	01	02	-	01	04	-	04	01	04	01	-
1	Chủ tịch	x							x		x			x	
2	Phó Chủ tịch			x		x			x		x		x		
3	Phó Chủ tịch				x	x		x			x		x		
4	Trưởng Ban KT-XH			x					x		x		x		
5	Trưởng Ban Pháp chế			x					x		x		x		
II	BẮC TÂN UYÊN	-		04	01	02	-	01	04	-	05	-	04	01	-
1	Chủ tịch		x	x					x		x			x	
2	Phó Chủ tịch			x		x			x		x		x		
3	Phó Chủ tịch				x	x		x			x		x		
4	Trưởng Ban KT-XH			x					x		x		x		
5	Trưởng Ban Pháp chế			x					x		x		x		
III	THỦ DẦU MỘT	1		01	01	04	-	01	04	-	04	01	04	01	-
1	Chủ tịch	x							x			x		x	
2	Phó Chủ tịch			x		x			x		x		x		
3	Phó Chủ tịch				x	x			x		x		x		
4	Trưởng Ban KT-XH					x			x		x		x		

STT	Chức danh	Bí thư	Phó Bí thư	Ủy viên Ban Thường vụ	Cấp ủy viên	Chuyên trách	Trình độ lý luận chính trị			Trình độ chuyên môn			Trình độ quản lý nhà nước		
							Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Trung Cấp	Cao đẳng, Đại học	Sau đại học	Chuyên viên	Chuyên viên chính	Chuyên viên cao cấp
5	Trưởng Ban Pháp chế					x		x	đang học		x		x		
IV	THUẬN AN	1		03	01	02	-	-	05	-	05	-	02	03	-
1	Chủ tịch	x							x		x			x	
2	Phó Chủ tịch			x		x			x		x			x	
3	Phó Chủ tịch				x	x			x		x		x		
4	Trưởng Ban KT-XH			x					x		x		x		
5	Trưởng Ban Pháp chế			x					x		x			x	
V	DẦU TIẾNG	-	01	03	01	02	-	-	05	-	05	-	02	03	-
1	Chủ tịch		x						x		x			x	
2	Phó Chủ tịch			x		x			x		x			x	
3	Phó Chủ tịch				x	x			x		x		x		
4	Trưởng Ban KT-XH			x					x		x		x		
5	Trưởng Ban Pháp chế			x					x		x			x	
VI	BẾN CÁT	-	-	03	01	02	-	-	04	-	03	01	-	04	-

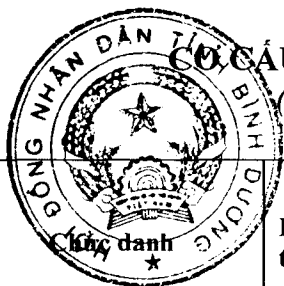
STT	Chức danh	Bí thư	Phó Bí thư	Ủy viên Ban Thường vụ	Cấp ủy viên	Chuyên trách	Trình độ lý luận chính trị			Trình độ chuyên môn			Trình độ quản lý nhà nước		
							Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Trung Cấp	Cao đẳng, Đại học	Sau đại học	Chuyên viên	Chuyên viên chính	Chuyên viên cao cấp
1	Phó Chủ tịch			x		x			x			x		x	
2	Phó Chủ tịch				x	x			x		x			x	
3	Trưởng Ban KT-XH			x					x		x			x	
4	Trưởng Ban Pháp chế			x					x		x			x	
VII	PHÚ GIÁO	01	-	03	01	02	-	01	04	-	05	-	01	02	01
1	Chủ tịch	x							x		x				x
2	Phó Chủ tịch			x		x			x		x				
3	Phó Chủ tịch				x	x		x			x		x		
4	Trưởng Ban KT-XH			x					x		x			BD CVC	
5	Trưởng Ban Pháp chế			x					x		x			x	
VIII	DĨ AN	-	01	03	01	02	-	-	05	-	05	-	-	05	-
1	Chủ tịch		x						x		x			x	
2	Phó Chủ tịch			x		x			x		x			x	
3	Phó Chủ tịch				x	x			x		x			x	

STT	Chức danh	Bí thư	Phó Bí thư	Ủy viên Ban Thường vụ	Cấp ủy viên	Chuyên trách	Trình độ lý luận chính trị			Trình độ chuyên môn			Trình độ quản lý nhà nước		
							Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Trung Cấp	Cao đẳng, Đại học	Sau đại học	Chuyên viên	Chuyên viên chính	Chuyên viên cao cấp
4	Trưởng Ban KT-XH			x					x		x			x	
5	Trưởng Ban Pháp chế			x					x		x			x	
IX	BÀU BÀNG	-	01	03	01	03	-	-	05	-	04	01	-	05	-
1	Chủ tịch		x	x					x		x			x	
2	Phó Chủ tịch			x		x			x		x			x	
3	Phó Chủ tịch				x	x			x		x			x	
4	Trưởng Ban KT-XH					x			x			x		x	
5	Trưởng Ban Pháp chế			x					x		x			x	



Phụ lục II
CƠ CẤU BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 19/BC-ĐGS ngày 24/4/2017 của Đoàn giám sát)

	Cơ cấu	Tổng số thành viên	Ủy viên Ban Thường vụ	Cấp ủy viên	Không là cấp ủy	Chuyên trách	Không chuyên trách	Số lần tham gia nhiệm kỳ	
								Lần đầu	Tái cử (số nhiệm kỳ)
	Ban của HĐND								
1	Tân Uyên	14	02	-	12	02	12	08	06
2	Bắc Tân Uyên	12	02	04	06	02	10	03	09
3	Thủ Dầu Một	16	-	05	11	02	14	12	04
4	Thuận An	14	02	05	07	02	12	08	06
5	Dầu Tiếng	15	02	06	07	02	13	11	04
6	Bến Cát	14	03	05	08	02	12	12	02
7	Phú Giáo	10	02	03	05	02	08	06	04
8	Dĩ An	14	03	07	04	02	12	07	07
9	Bàu Bàng	12	01	04	07	03	09	04	08



Phụ lục III

CƠ CẤU THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỦA 18 XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

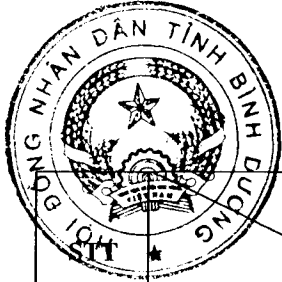
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 19/BC-ĐGS ngày 24/4/2017 của Đoàn giám sát)

STT	Chức danh	Bí thư	Phó Bí thư	Ủy viên BTV	Cấp ủy viên	Chuyên trách	Trình độ lý luận chính trị			Trình độ chuyên môn			Trình độ quản lý nhà nước		
							Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cao đẳng Đại học	Sau ĐH	Chuyên viên	Chuyên viên chính	Chuyên viên cao cấp
I	<u>BẮC TÂN UYÊN</u>														
	Tân Định	01		01	01	01	-	01	01		02				
1	Chủ tịch	x		x					x		x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x				
	Thường Tân	01			01	01		01	01		02		01		
1	Chủ tịch	x							x		x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x		x		
II	<u>TÂN UYÊN</u>														
	Vĩnh Tân	01		01	01	01			02		02		01		
1	Chủ tịch	x		x					x		x		x		
2	Phó Chủ tịch				x	x			x		x				
	Uyên Hưng	01			01	01		01	01		02				
1	Chủ tịch	x							x		x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x				
III	<u>THỦ DẦU MỘT</u>														
	Phú Lợi	01			01	01		01	01		02				
1	Chủ tịch	x							x		x				BDCC

STT	Chức danh	Bí thư	Phó Bí thư	Ủy viên BTV	Cấp ủy viên	Chuyên trách	Trình độ lý luận chính trị			Trình độ chuyên môn			Trình độ quản lý nhà nước		
							Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cao đẳng Đại học	Sau ĐH	Chuyên viên	Chuyên viên chính	Chuyên viên cao cấp
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x				
	Chánh Mỹ	01		01	01	01			02		02				
1	Chủ tịch	x		x					x		x				
2	Phó Chủ tịch				x	x			x		x				
IV	<u>THUẬN AN</u>														
	Thuận Giao	01		-	01	01		01	01	01	01				
1	Chủ tịch	x							x		x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x		x					
	An Sơn	01		-	01	01		01	01		02				
1	Chủ tịch	x							x		x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x				
V	<u>DẦU TIẾNG</u>														
	Minh Thạnh		01	-	01	01		02	-		02		01		
1	Chủ tịch		x					x			x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x		x		
	TT Dầu Tiếng		01		01	01		01	01	01	02				
1	Chủ tịch		x						x	x	x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x				
VI	<u>BẾN CÁT</u>														
	Mỹ Phước		01		01	01		02	-	-	02				

STT	Chức danh	Bí thư	Phó Bí thư	Ủy viên BTV	Cấp ủy viên	Chuyên trách	Trình độ lý luận chính trị			Trình độ chuyên môn			Trình độ quản lý nhà nước		
							Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cao đẳng Đại học	Sau ĐH	Chuyên viên	Chuyên viên chính	Chuyên viên cao cấp
1	Chủ tịch		x					x			x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x				
	An Điền	01		-	01	01		01	01	-	02				
1	Chủ tịch	x						x			x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x				
	<u>BÀU BÀNG</u>														
	Lai Hưng			01	01	02		02		01	01				
1	Chủ tịch			x		x		x		x					
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x				
	Long Nguyễn			01	01	02		01	01		02				
1	Chủ tịch			x		x			x		x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x				
	<u>PHÚ GIÁO</u>														
	Tân Hiệp	01			01	01		02			02				
1	Chủ tịch	x						x			x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x				
	Phước Vĩnh	01			01	01		02			02		01		
1	Chủ tịch	x						x	GCN		x				
2	Phó Chủ tịch				x	x		x			x		x		
	<u>DĨ AN</u>														

STT	Chức danh	Bí thư	Phó Bí thư	Ủy viên BTV	Cấp ủy viên	Chuyên trách	Trình độ lý luận chính trị			Trình độ chuyên môn			Trình độ quản lý nhà nước		
							Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cao đẳng Đại học	Sau ĐH	Chuyên viên	Chuyên viên chính	Chuyên viên cao cấp
	Đông Hòa		01		01			01	01		02				
1	Chủ tịch		x						x		x				
2	Phó Chủ tịch				x			x			x				
	Dĩ An			01	01	02		01	01	01	01				
1	Chủ tịch			x		x		x		TC					
2	Phó Chủ tịch				x	x			GCN		x				



Phụ lục IV
CƠ CẤU BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN 18 XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 19/BC-ĐGS ngày 24/4/2017 của Đoàn giám sát)

Cơ cấu	Ban của HĐND	Tổng số thành viên	Ủy viên Ban Thường vụ	Cấp ủy viên	Không là cấp ủy	Chuyên trách	Không chuyên trách	Số lần tham gia nhiệm kỳ	
								Lần đầu	Tái cử (số nhiệm kỳ)
I	TÂN UYÊN								
1	Vĩnh Tân	10	01	03	06	0	10	09	01
2	Uyên Hưng	10	-	02	08	0	10	10	-
II	BẮC TÂN UYÊN								
1	Tân Định	10	02	03	08	0	10	10	-
2	Thường Tân	10	01	01	08	0	10	05	05
III	THỦ DẦU MỘT								
1	Chánh Mỹ	10		04	-	0	10	04	06
2	Phú Lợi	10		03	-	0	10	04	06
IV	THUẬN AN								
1	Thuận Giao	10	-	03	07	0	10	10	-
2	An Sơn	10	-	02	08	0	10	10	-
V	DÀU TIẾNG								
1	Minh Thạnh	10	-	02	08	0	10	10	-

STT	Cơ cấu Ban của HĐND	Tổng số thành viên	Ủy viên Ban Thường vụ	Cấp ủy viên	Không là cấp ủy	Chuyên trách	Không chuyên trách	Số lần tham gia nhiệm kỳ	
								Lần đầu	Tái cử (số nhiệm kỳ)
2	TT Dầu Tiếng	10	-	01	09	0	10	05	05
VI	BẾN CÁT								
1	Mỹ Phước	10	01	03	06	0	10	04	06
2	An Điền	10	01	04	05	0	10	10	-
VII	BÀU BÀNG								
1	Lai Hưng	10		03	07	02	08	07	03
2	Long Nguyên	10	01	02	07	02	08	10	-
VIII	PHÚ GIÁO								
1	Tân Hiệp	10	01	02	08		10	10	-
2	Phước Vĩnh	10	01	04	05		10	05	05
IX	DĨ AN								
1	Đông Hòa	10		04	06		10	06	04
2	Dĩ An	10		02	08		10	08	02



Phụ lục V
QUY TRÌNH XÂY DỰNG, THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT HĐND
CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 19/BC-ĐGS ngày 24/4/2017 của Đoàn giám sát)

I. QUY TRÌNH ĐỐI VỚI HĐND CẤP HUYỆN

Bước 1: Soạn thảo nghị quyết.

Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện do Ủy ban nhân dân cùng cấp trình.

Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công cơ quan chủ trì soạn thảo. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng dự thảo và tờ trình dự thảo nghị quyết.

Bước 2: Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết.

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết.

Cơ quan, tổ chức có liên quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo nghị quyết.

Bước 3: Thẩm định dự thảo nghị quyết

Phòng Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Phòng Tư pháp để thẩm định.

Bước 4: UBND cấp huyện xem xét, quyết định trình HĐND dự thảo nghị quyết

Ủy ban nhân dân có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để quyết định việc trình dự thảo nghị quyết ra Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi tờ trình, dự thảo nghị quyết và các tài liệu có liên quan đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Bước 5: Thẩm tra dự thảo nghị quyết

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, UBND phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban Hội đồng nhân dân để thẩm tra.

Báo cáo thẩm tra phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

Bước 6: HĐND xem xét thông qua dự thảo nghị quyết.

Bước 7: Chủ tịch HĐND ký chứng thực.

Bước 8: Niêm yết VBQPPL.

II. QUY TRÌNH ĐỐI VỚI HĐND CẤP XÃ

Bước 1: Soạn thảo nghị quyết.

Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã do Ủy ban nhân dân cùng cấp trình.

Bước 2: Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết.

Chủ tịch UBND tổ chức việc lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, của Nhân dân tại các thôn, làng, buôn, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố về dự thảo nghị quyết bằng các hình thức thích hợp.

Bước 3: Thẩm tra dự thảo nghị quyết

Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã phải được Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp thẩm tra trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp xã.

Chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân gửi tờ trình, dự thảo nghị quyết và các tài liệu có liên quan đến các đại biểu Hội đồng nhân dân.

Bước 4: HĐND xem xét thông qua dự thảo nghị quyết.

Bước 5: Chủ tịch HĐND ký chứng thực.

Bước 8: Niêm yết./.